XIN CHÀO VIỆT NAM
13-12-18

truefriend KIS CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam

Biến động thị trường

	13/12	1T (%)	3T (%)
VN Index	960	6.1%	-2.8%
GTGD	3,830	(Tỷ đồng)	
Khối ngoại mua ròng	-40	(Tỷ đồng)	

Nguồn: Bloomberg-Finpro

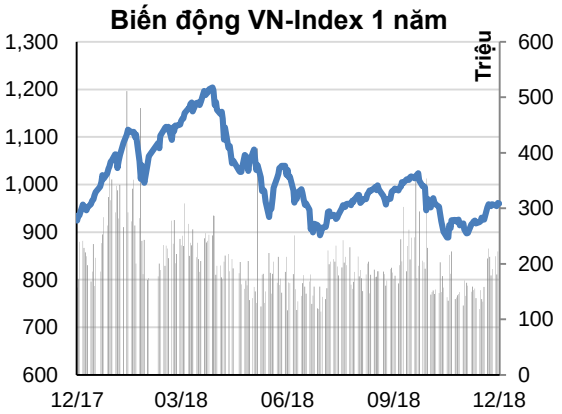

Trái phiếu và Hàng hóa

	13/12	1T	3T
Lãi suất TPCP 1 năm	4.125%	4.475%	4.105%
Lãi suất TPCP 3 năm	4.372%	4.695%	4.195%
Lãi suất TPCP 10 năm	5.155%	5.213%	5.113%
Dầu WTI ($/thùng)	51.11	55.69	68.59
Vàng ($/oz)	1,245	1,202	1,201

Nguồn: Bloomberg

Phạm Tấn Phát

(+84 28) 3914 8585 - Ext: 1468
phat.pt@kisvn.vn
www.kisvn.vn

Trần Trương Mạnh Hiếu

(+84 28) 3914 8585 - Ext: 1464
hieu.ttm@kisvn.vn
www.kisvn.vn

Nhóm ngân hàng chững lại

- Thị trường chứng khoán biến động trong biên độ hẹp với sự phân hóa từ nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn.
- Theo Tổng Cục Hải Quan, Việt Nam ghi nhận thặng dư thương mại 150 triệu USD trong tháng 11 nhờ sự tăng trưởng từ nhập khẩu và xuất khẩu, xuất khẩu đạt 21.75 tỷ USD (+14.5% YoY) và nhập khẩu đạt 21.59 tỷ USD (+12.1% YoY). Trong 11 tháng, cán cân thương mại thặng dư 7.41 tỷ USD (+134% YoY), mức cao kỷ lục.
- VN-Index hầu như không đổi, đóng cửa tại mức 960 điểm trong khi VN30-Index tăng nhẹ 0.13%. Thanh khoản được cải thiện với 144 triệu cổ phiếu khớp lệnh tương đương 2,858 tỷ đồng giá trị. Độ rộng thị trường tỏ ra cân bằng với 145 mã tăng và 141 mã giảm trên HSX.
- Thực phẩm thiết yếu trở thành nhóm dẫn dắt xu hướng với sự đi lên của VNM (+0.7%) và SBT (+4%). Thêm vào, BMP, CTD, HPG và STB tăng trên 1% giúp chỉ số tránh được phiên giảm sâu.
- Chiều ngược lại, lực bán xuất hiện trên một số cổ phiếu trong rổ VN30 như CTG, MBB, SAB, VCB, NVL, HSG, DPM và KDC, làm nhóm này đóng cửa trong sắc đỏ. Hầu hết cổ phiếu ngân hàng đi xuống khi VCB, CTG, BID và MBB suy giảm.
- Khối ngoại quay lại bán ròng 40 tỷ đồng trên sàn HSX. Nhóm này tập trung vào HPG, CTG và VIC với giá trị lần lượt 44 tỷ đồng, 38 tỷ đồng và 24 tỷ đồng. Ở chiều mua, E1VFVN30, VSC và VNM được mua vào nhiều nhất.

Nhận định thị trường: Xu hướng tăng trưởng trong ngắn hạn được duy trì. Tuy nhiên, thanh khoản ở mức thấp làm VN-Index rung lắc trong phiên. Nhà đầu tư có thể nắm giữ danh mục hiện tại và tăng tỷ trọng trong trường hợp tín hiệu phá vỡ được xác nhận rõ ràng.

Bản đồ giao dịch

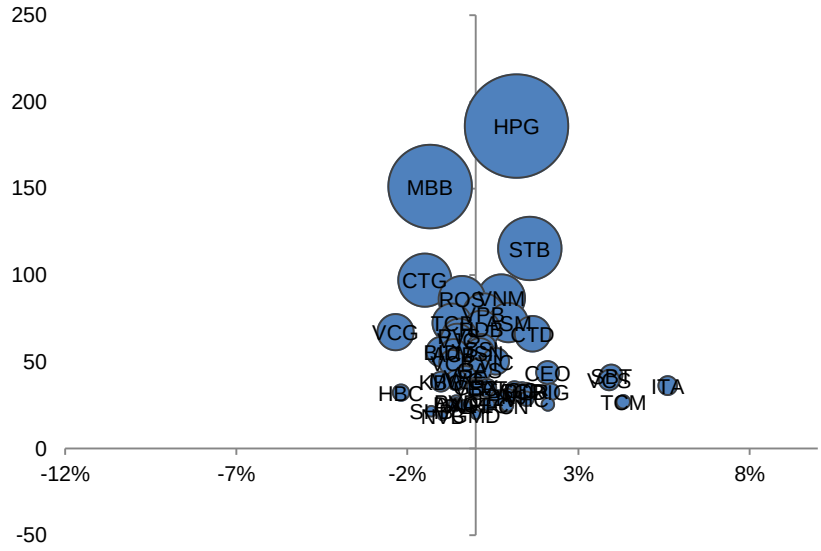

Chú thích: trục ngang – biến động giá, trục dọc – giá trị giao dịch (tỷ đồng)

Phân tích kỹ thuật

VN-Index

Hỗ trợ 1: 940-945	Kháng cự 1: 960-964
Hỗ trợ 2: 880-890	Kháng cự 2: 1,020-1,030

Quan điểm kỹ thuật 20 ngày - VN-Index

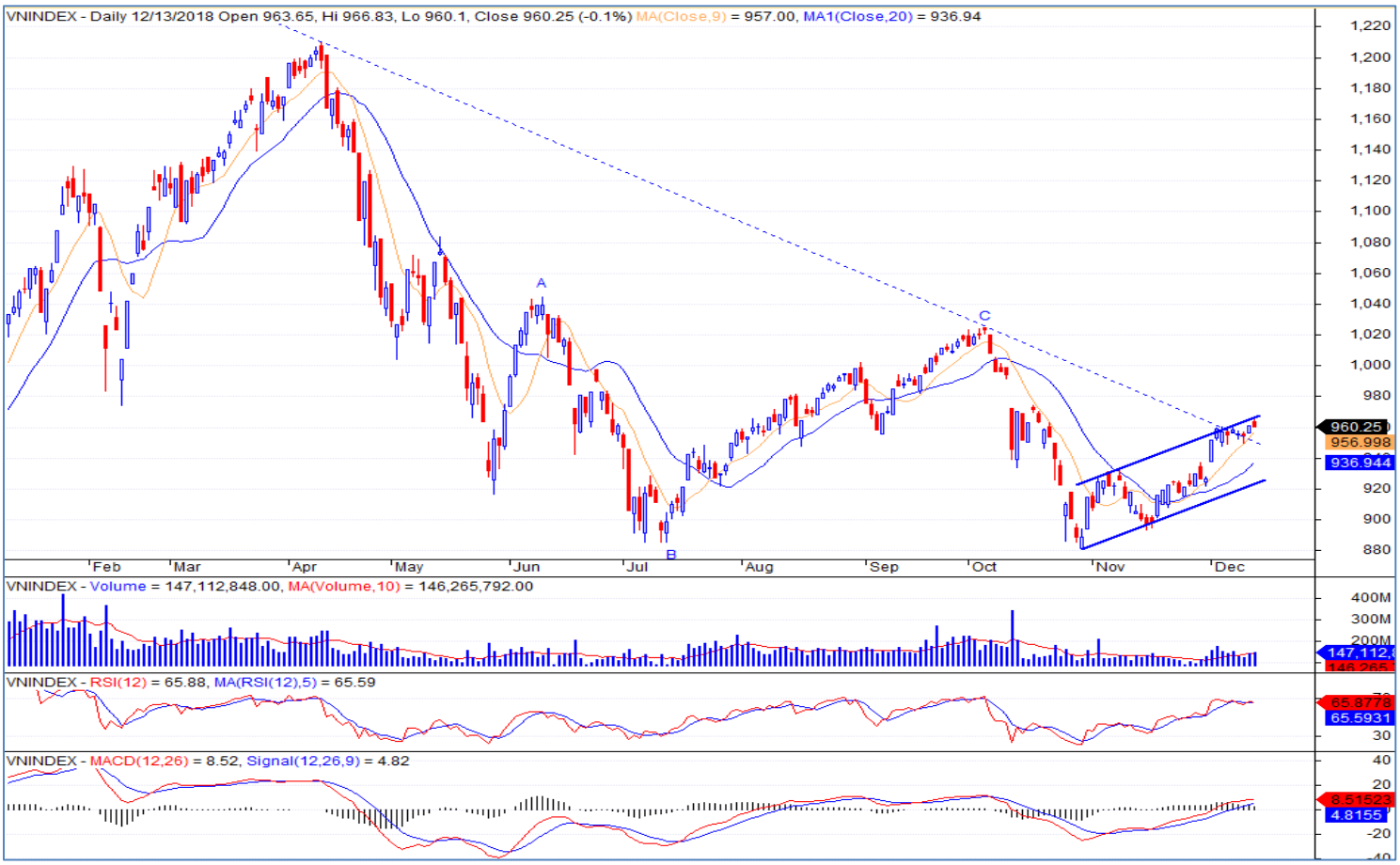

VN-Index tạo cây nến giảm điểm với khối lượng đạt 147 triệu đơn vị hay trung bình 10 phiên gần đây. Điều này phản ánh lực bán đang chiếm ưu thế trong phiên hôm nay.

Ở góc độ ngắn hạn (20 ngày), VN-Index nối dài xu hướng tăng hình thành từ đầu tháng 11. Hiện giá đang gặp cản từ vùng 960-966 điểm tương ứng biên trên của kênh giá tăng ngắn hạn. Đây là vùng cản kỹ thuật hội tụ cận trên của đường kênh giá tăng kẻ từ đầu tháng 11/2018 cũng như nhịp tích lũy vừa qua. Nếu thất bại trong việc chinh phục vùng cản 960-966 điểm, chỉ số có thể quay lại xu hướng điều chỉnh khi chỉ báo RSI đang cho phân kỳ âm..

Ở góc độ trung hạn (3 tháng), VN-Index đang đi ngang kể từ giữa tháng 05/2018 cho tới nay. Nhịp hồi phục hiện tại vẫn đang ở dưới vùng cản trung hạn quanh 960-966 điểm. Xu hướng tăng trung hạn sẽ được xác nhận khi giá bứt phá lên trên hoàn toàn khỏi vùng cản trung hạn.

Hành động

VN-Index có phiên điều chỉnh từ vùng 960-966 điểm. Nhà đầu tư có thể nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu hiện tại nếu giá duy trì bên trên ngưỡng hỗ trợ quan trọng 950 điểm.

Thống kê thị trường

SÀN GIAO DỊCH HSX

		Tăng / Giảm	Tăng / Giảm (%)
VN-Index	**960**	-1.03	-0.1%
KLGD ('000 cổ phiếu)	171,856	-50,217	-22.6%
GTGD (tỷ VND)	3,830	-1,314	-25.5%

Thống kê tăng/giảm	
SL CP tăng giá	145
SL CP giảm giá	141
SL CP không đổi	89

Top 5 cổ phiếu Leader

Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	VND	VND	Điểm
VIC	102,800	600	0.59
VNM	135,000	1,000	0.54
HPG	34,000	400	0.26
SBT	21,000	800	0.14
STB	12,900	200	0.12

Top 5 cổ phiếu Laggard

Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	VND	VND	Điểm
SAB	250,200	-2,800	-0.557
VCB	57,600	-400	-0.446
CTG	23,150	-350	-0.404
BID	34,300	-350	-0.371
BVH	101,000	-1,000	-0.217

Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)

Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	triệu cp	tỷ đồng
HPG	34,000	5.48	186.1
MBB	22,200	6.76	151.1
STB	12,900	8.93	115.4
CTG	23,150	4.16	97.2
VNM	135,000	0.64	86.8

Top 5 Ngành Tăng

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
Công nghiệp	2.9%	-0.08
Nguyên vật liệu	0.6%	0.26
CNTT	0.5%	0.05
Bất động sản	0.2%	0.49
TD không thiết yếu	0.2%	-0.11

Top 5 Ngành Giảm

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
Tài chính	-0.7%	-1.72
Năng lượng	-0.3%	-0.09
Y Tế	-0.1%	-0.01

SÀN GIAO DỊCH HNX

		Tăng / Giảm	Tăng / Giảm (%)
HNX-Index	**107**	-0.37	-0.3%
KLGD ('000 cổ phiếu)	30,695	937	3.1%
GTGD (tỷ VND)	460	89	23.8%

Thống kê tăng/giảm	
SL CP tăng giá	73
SL CP giảm giá	84
SL CP không đổi	212

Top 5 cổ phiếu Leader

Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	VND	VND	Điểm
VCS	77,300	2,900	0.10
VGC	17,900	200	0.04
OCH	5,300	400	0.04
CEO	14,600	300	0.03
DBC	27,000	300	0.02

Top 5 cổ phiếu Lagguad

Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	VND	VND	Điểm
ACB	30,700	-200	-0.25
SHB	7,600	-100	-0.11
HUT	4,300	-200	-0.04
VCG	20,800	-500	-0.03
PHP	10,700	-1,000	-0.03

Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)

Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	triệu cp	tỷ đồng
VCG	20,800	3.19	67.2
PVS	20,500	3.16	65.0
ACB	30,700	1.77	54.7
CEO	14,600	3.00	43.9
VCS	77,300	0.52	39.6

Top 5 Ngành Tăng

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
Khác	527.5%	0.00
TD thiết yếu	14.2%	0.00
TD không thiết yếu	10.1%	0.04
Nguyên vật liệu	8.5%	0.06
Dịch vụ tiện ích	6.5%	0.00

Top 5 Ngành Giảm

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
CNTT	-3.4%	-0.01
Tài chính	-0.6%	-35.7%

Giao dịch khối ngoại

HOSE

Top 5 CP nước ngoài mua ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
E1VFVN30	15,450	56.5	4.6	51.9
VSC	44,700	24.0	0.0	24.0
VNM	135,000	282.8	258.8	24.0
SSI	29,700	23.5	4.8	18.7
MSN	87,100	55.3	39.8	15.5

Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
HPG	34,000	81.4	125.6	-44.2
CTG	23,150	6.1	44.2	-38.1
VIC	102,800	33.9	58.7	-24.8
VJC	129,500	6.3	24.7	-18.3
VHC	103,000	0.4	17.0	-16.6

HNX

Top 5 CP nước ngoài mua ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
PVS	20,500	23.8	5.1	18.7
CEO	14,600	14.6	0.1	14.5
VGC	17,900	1.3	0.4	0.9
S55	26,000	0.4	0.0	0.4
VCS	77,300	0.3	0.0	0.3

Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
VC3	22,000	0.0	5.4	-5.4
NRC	40,500	0.0	3.4	-3.4
WCS	132,000	0.1	0.0	0.1
SHS	14,600	0.1	0.5	-0.4
TV2	129,300	0.0	0.3	-0.3

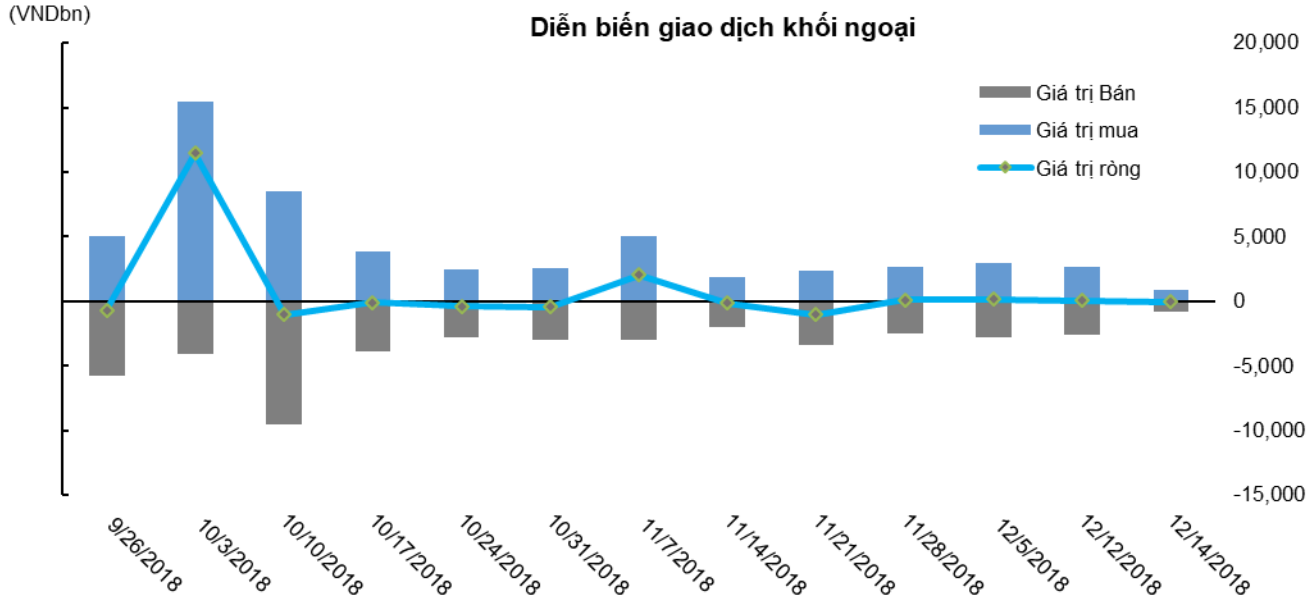

Thị trường phái sinh

Quan điểm kỹ thuật VN30-Index

Hỗ trợ 1: 913	Kháng cự 1: 930
Hỗ trợ 2: 890	Kháng cự 2: 943

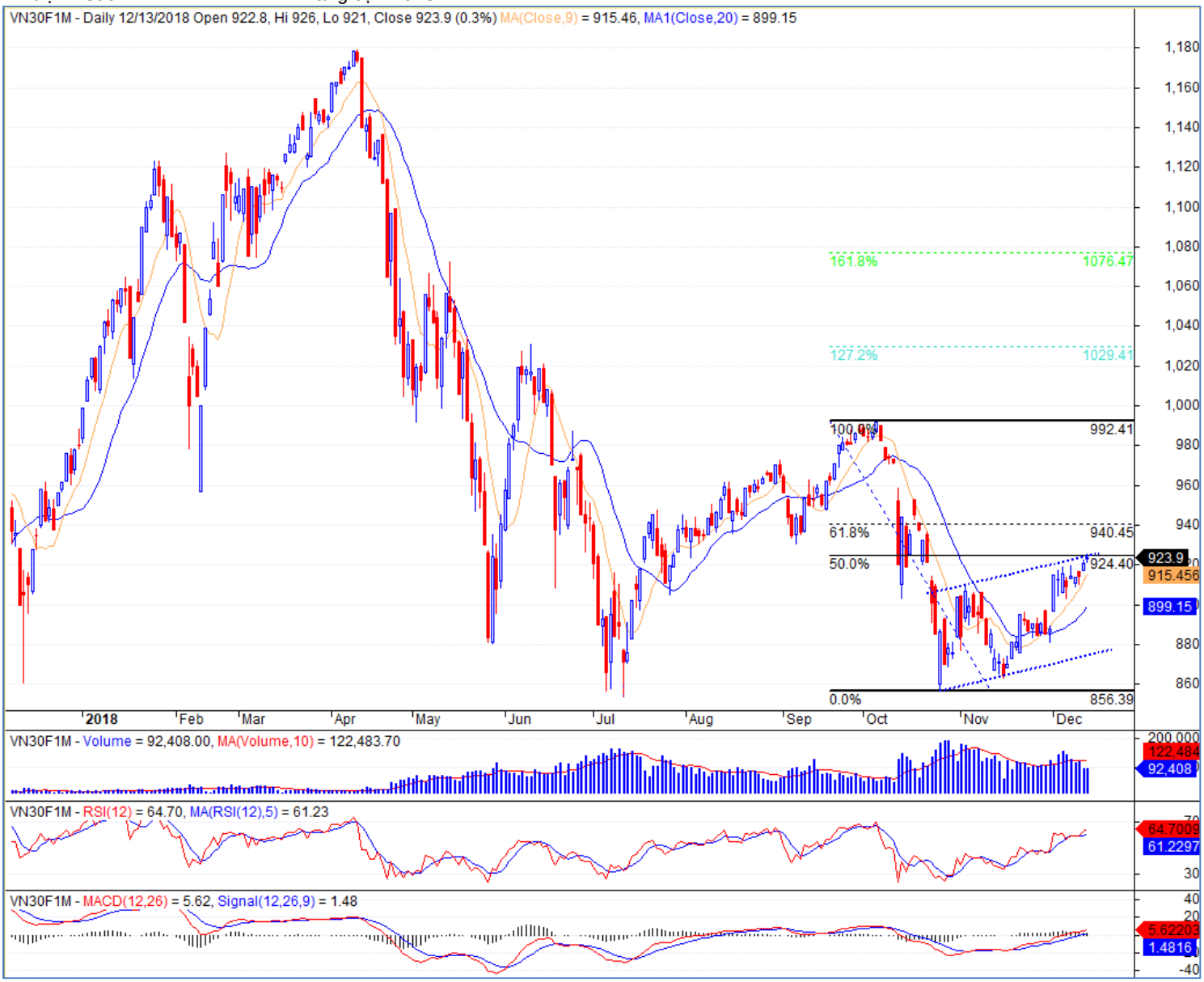

Nhận định xu hướng: VN30F1M (hợp đồng tháng 12) tạo mẫu hình Spinning Top tại cận trên của kênh giá tăng ngắn hạn và ngưỡng 50% Fibonacci Retracement (vùng quanh 924 điểm). Mặc dù đây là mẫu hình nến trung tính nhưng giá đang ở trong vùng kháng cự ngắn hạn. Volume phiên hôm nay vẫn không có nhiều thay đổi cho thấy cầu chưa đủ để tạo phiên break-out như kỳ vọng.

Chiến lược đầu tư:

- Short VN30F1812 khi giá thủng 921 điểm. Mục tiêu 911 điểm. Dừng lỗ 925 điểm.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	KLGD	KL Mở	Ngày thanh toán cuối cùng	Thời gian còn lại
	Đơn vị: Điểm	*Điểm*	*%*	*cp/hợp đồng*	*hợp đồng*		*ngày*
VN30 Index	929	1.2	0.1%	37,560,590			
VN30F1812	924	3.1	0.3%	92,408	16,954	20/12/2018	7
VN30F1901	922	2.3	0.3%	1,162	977	17/01/2019	35
VN30F1903	922	2.9	0.3%	52	157	21/03/2019	98
VN30F1906	922	0.8	0.1%	149	159	20/06/2019	189

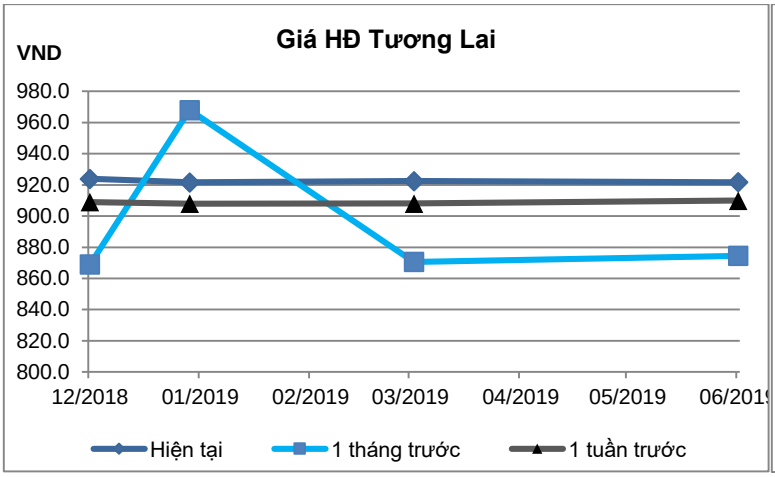

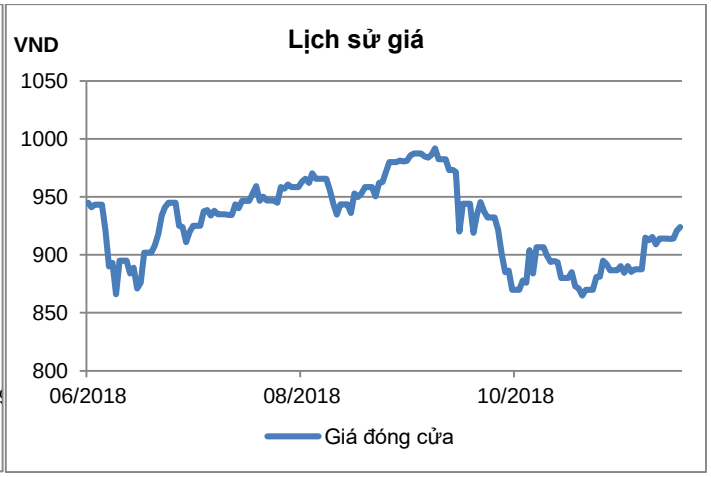

DANH SÁCH CP CHỈ SỐ VN30

Mã CP	Tên	Ngành	Tỷ trọng	Giá đóng cửa	Vốn hóa	PER	PBR	KLGD 3 tháng	SH Nước Ngoài	Cao 52 Tuần	Thấp 52 Tuần
		Đơn vị:	*%*	*VND*	*Tỷ VND*	*x*	*x*	*'000 cp*	*%*	*VND*	*VND*
BMP	CTCP Nhựa Bình Minh	Công nghiệp	0.4%	58,000	4,748	10.4	1.9	169	77%	95,900	51,200
CII	CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	Công nghiệp	0.8%	26,600	6,509	80.1	1.3	693	54%	39,500	22,600
CTD	CTCP Xây dựng Coteccons	Công nghiệp	1.2%	159,400	12,465	7.9	1.5	112	44%	233,100	120,400
CTG	NH TMCP Công thương Việt Nam	Tài chính	1.5%	23,150	86,197	11.2	1.2	4,272	30%	38,250	20,300
DHG	CTCP Dược Hậu Giang	Chăm sóc sức khỏe	0.5%	82,500	10,787	20.4	3.7	151	49%	118,000	81,000
DPM	TCT CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Nguyên vật liệu	0.6%	20,850	8,159	14.0	1.0	574	21%	26,600	16,100
FPT	CTCP FPT	CNTT	3.5%	44,600	27,365	8.4	2.3	682	49%	56,957	38,500
GAS	TCT Khí Việt Nam	Dịch vụ tiện ích	1.6%	97,100	185,845	15.0	4.4	534	3%	136,400	70,000
GMD	CTCP Gemadept	Công nghiệp	1.3%	28,900	8,581	4.6	1.5	1,209	49%	39,473	23,000
HPG	CTCP Tập đoàn Hòa Phát	Nguyên vật liệu	7.5%	34,000	72,213	7.8	1.9	5,233	39%	48,429	28,357
HSG	CTCP Tập đoàn Hoa Sen	Nguyên vật liệu	0.3%	7,360	2,833	6.9	0.6	5,036	16%	26,136	6,300
KDC	CTCP Tập đoàn KIDO	Hàng tiêu dùng thiết yếu	0.5%	24,700	5,080	N/A	0.8	148	22%	45,800	24,250
MBB	NH TMCP Quân đội	Tài chính	4.5%	22,200	47,962	9.4	1.5	6,192	20%	31,471	18,950
MSN	CTCP Tập đoàn Masan	Hàng tiêu dùng thiết yếu	7.8%	87,100	101,310	16.1	5.2	835	40%	118,000	70,500

MWG	CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động	Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4.3%	89,000	38,305	13.7	4.7	638	49%	101,553	73,502
NVL	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản	3.7%	67,400	61,184	28.5	3.5	470	8%	78,800	46,565
PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Năng lượng	1.2%	61,000	70,688	18.6	3.6	653	11%	95,500	51,800
PNJ	CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	Hàng tiêu dùng không thiết yếu	2.3%	98,900	16,517	18.2	4.7	445	49%	138,733	75,000
REE	CTCP Cơ điện Lạnh	Công nghiệp	1.0%	32,850	10,185	6.5	1.2	497	49%	44,750	29,150
ROS	CTCP Xây dựng FLC FAROS	Công nghiệp	0.9%	36,700	20,831	28.4	3.6	1,754	2%	151,417	35,000
SAB	TCT CP Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Hàng tiêu dùng thiết yếu	4.1%	250,200	160,449	36.2	9.6	36	10%	321,000	193,800
SBT	CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa	Hàng tiêu dùng thiết yếu	1.1%	21,000	10,404	24.2	1.7	2,826	11%	24,600	13,300
SSI	CTCP Chứng khoán Sài Gòn	Tài chính	1.5%	29,700	14,825	10.2	1.6	2,632	58%	44,400	25,200
STB	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín	Tài chính	3.8%	12,900	23,267	17.3	1.0	7,763	13%	17,300	9,670
VCB	NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	Tài chính	3.6%	57,600	207,231	17.1	3.4	1,426	21%	76,500	43,700
VIC	Tập đoàn Vingroup	Bất động sản	10.9%	102,800	328,099	75.2	6.0	839	9%	113,058	57,934
VJC	CTCP Hàng không Vietjet	Công nghiệp	6.0%	129,500	70,139	13.7	6.6	667	24%	191,167	110,417
VNM	CTCP Sữa Việt Nam	Hàng tiêu dùng thiết yếu	10.6%	135,000	235,092	27.0	9.2	885	59%	179,167	111,500
VPB	NH Viet Nam Thịnh Vượng	Tài chính	7.1%	22,450	55,154	8.0	1.8	4,050	23%	43,259	18,850
VRE	CTCP Vincom Retail	Bất động sản	5.9%	32,700	76,152	50.6	2.9	1,856	32%	50,204	27,918

Lịch sự kiện

Ngày GDKHQ	Mã	Sàn	Nội dung sự kiện
14/12/2018	XHC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2,000đ/cp)
14/12/2018	NVL	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
14/12/2018	DGC	HNX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
14/12/2018	QBR	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
14/12/2018	ISH	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (600đ/cp)
14/12/2018	NFC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (800đ/cp)

Liên hệ

Trụ sở chính

Tòa nhà TNR
Tầng 3, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM.
ĐT: (+84 28) 3914 8585
Fax: (+84 28) 3821 6899

Chi nhánh Hà Nội

Tòa nhà CTM
Tầng 6, 299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: (+84 24) 3974 4448
Fax: (+84 24) 3974 4501

Phòng khách hàng định chế

Lâm Hạnh Uyên

Trưởng phòng khách hàng Định chế
(+84 28) 3914 8585 (x1444)
uyen.lh@kisvn.vn

Khuyến cáo

Bản báo cáo này do **Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS)** phát hành với sự đóng góp của các chuyên gia của KIS được nêu trong báo cáo. Báo cáo này được viết nhằm mục đích cung cấp thông tin cho khách hàng là các tổ chức đầu tư, các chuyên gia hoặc các khách hàng cá nhân của KIS tại Việt Nam.

Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng ṁnh các nhà đầu tư nên dựa vào ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh.

Khi viết bản báo cáo này, chúng tôi dựa vào các nguồn thông tin công khai và các nguồn thông tin đáng tin cậy khác, và chúng tôi giả định các thông tin này là đầy đủ và chính xác, mặc dù chúng tôi không tiến hành xác minh độc lập các thông tin này. KIS không đưa ra - một cách ẩn ý hay rõ rang - bất kỳ đảm bảo, cam kết hay khai trình nào và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác và đầy đủ của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này.

Các nhận định, đánh giá và dự đoán trong báo cáo này được đưa ra dựa trên quan điểm chủ quan của chúng tôi vào thời điểm đưa ra báo cáo này và có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần báo trước.

KIS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư hoặc tiến hành các công việc kinh doanh khác cho các công ty được đề cập đến trong báo cáo này. Ngoài ra, KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có liên quan đến việc viết hay phát hành báo cáo này có thể đã, đang và sẽ mua hoặc bán có kỳ hạn chứng khoán hoặc chứng khoán phái sinh (bao gồm quyền chọn) của các công ty được đề cập trong báo cáo này, hoặc chứng khoán hay chứng khoán phái sinh của công ty có liên quan theo cách phù hợp hoặc không phù hợp với báo cáo và các ý kiến nêu trong báo cáo này. Vì thế, nhà đầu tư nên ý thức rằng KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có thể có xung đội lợi ích mà điều đó có thể ảnh hưởng đến nhận định.

Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS.